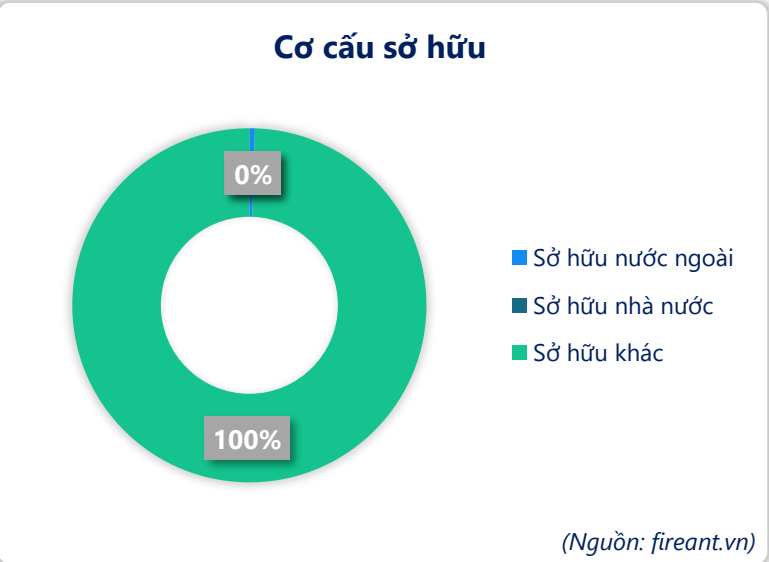
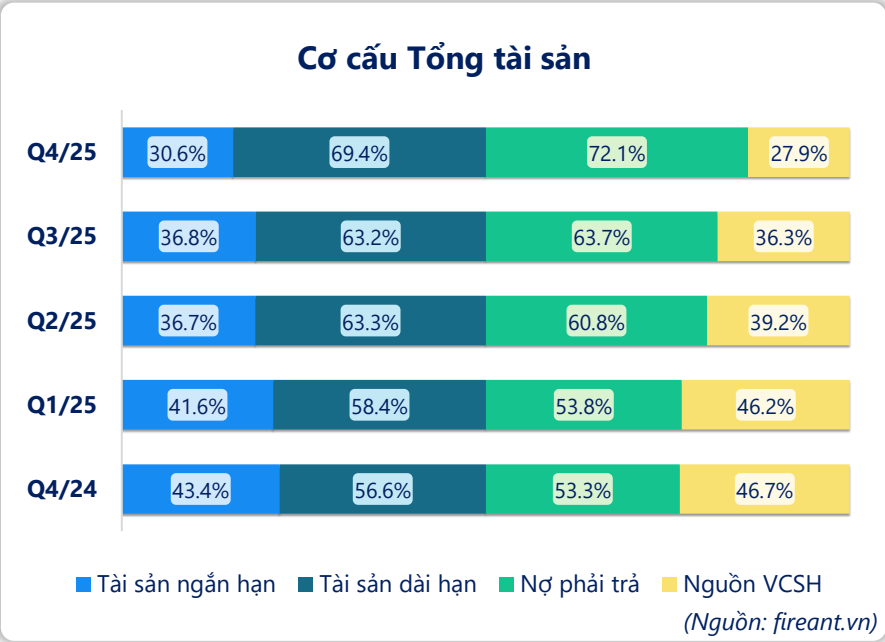
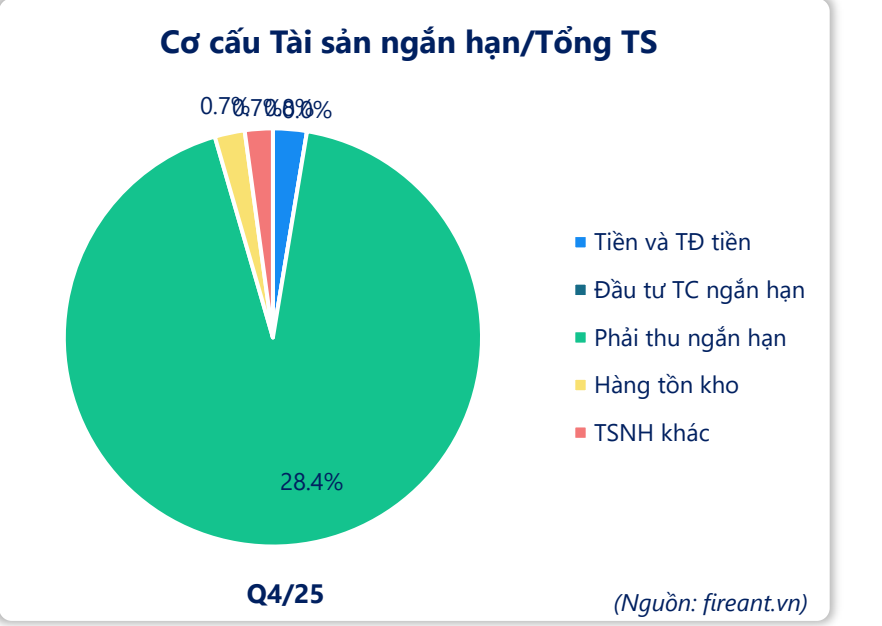
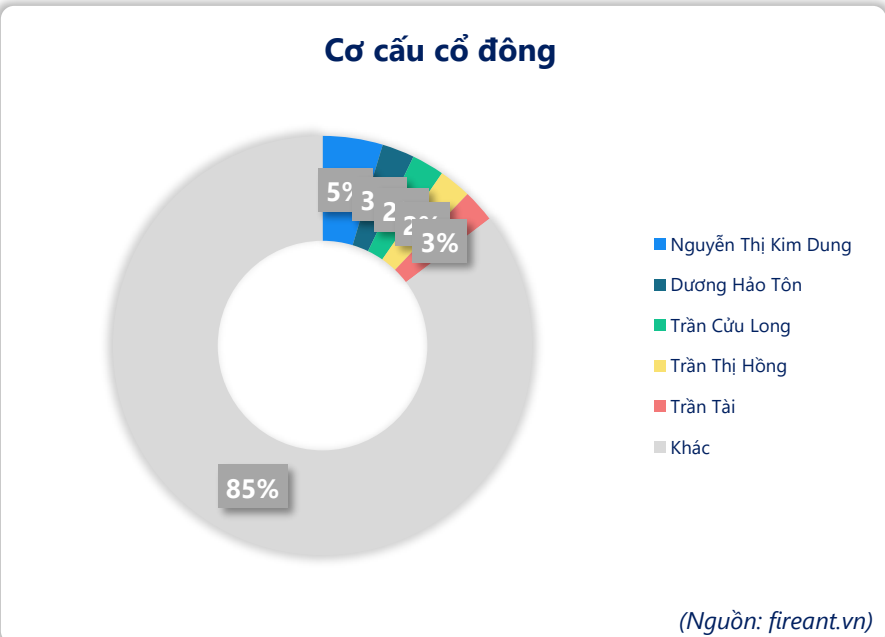
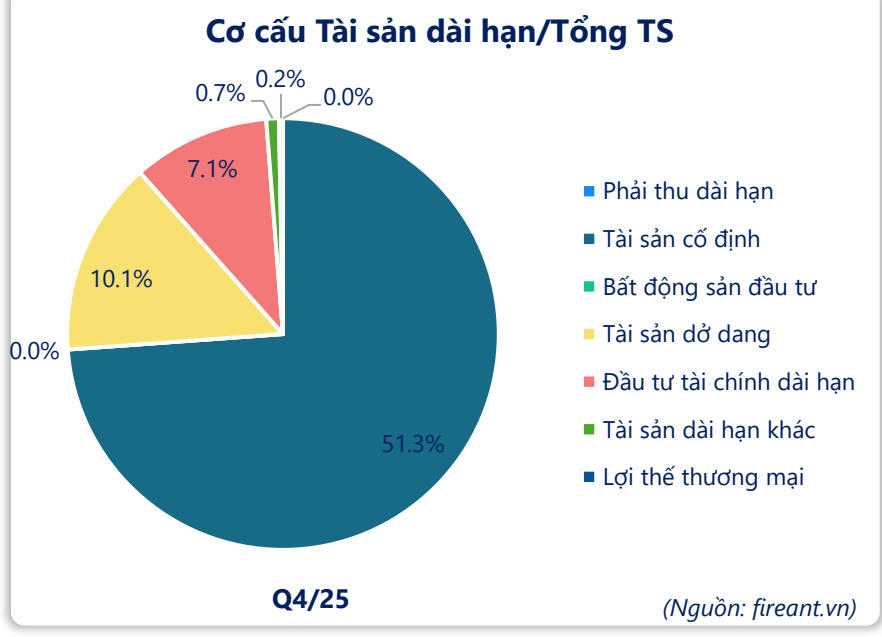
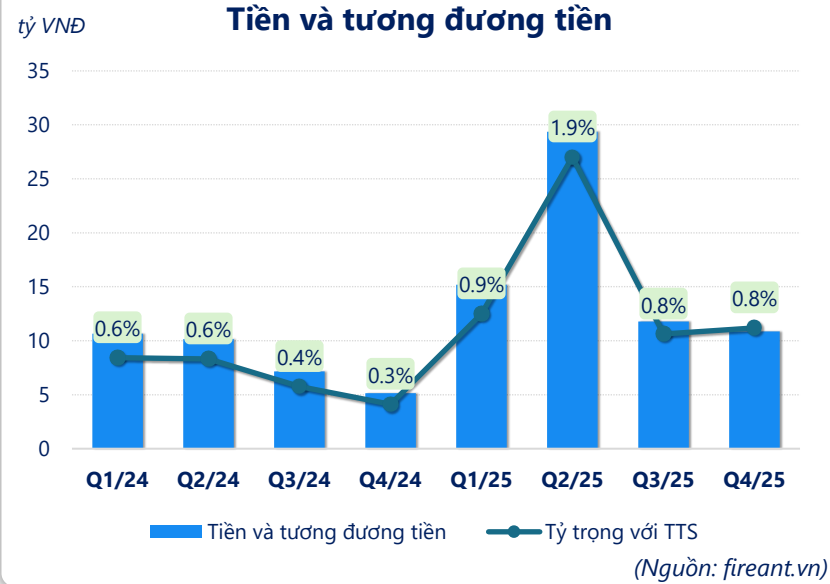
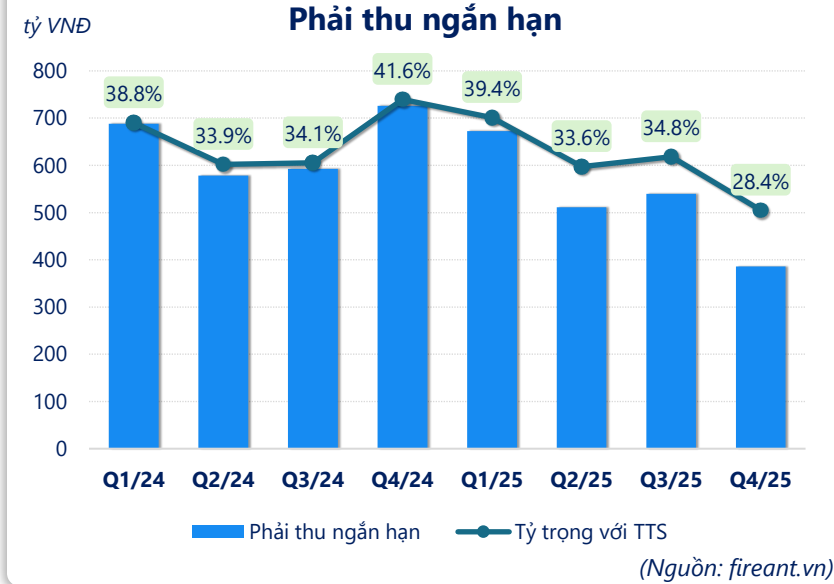
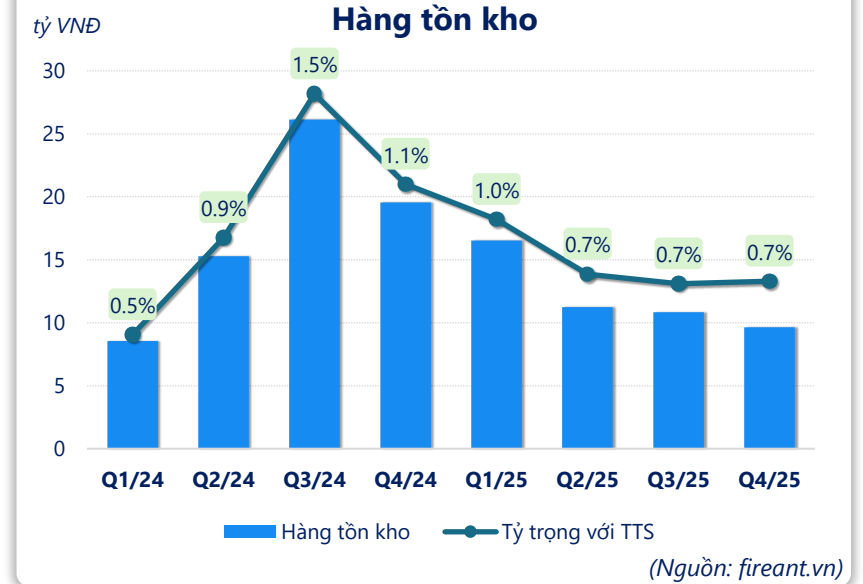
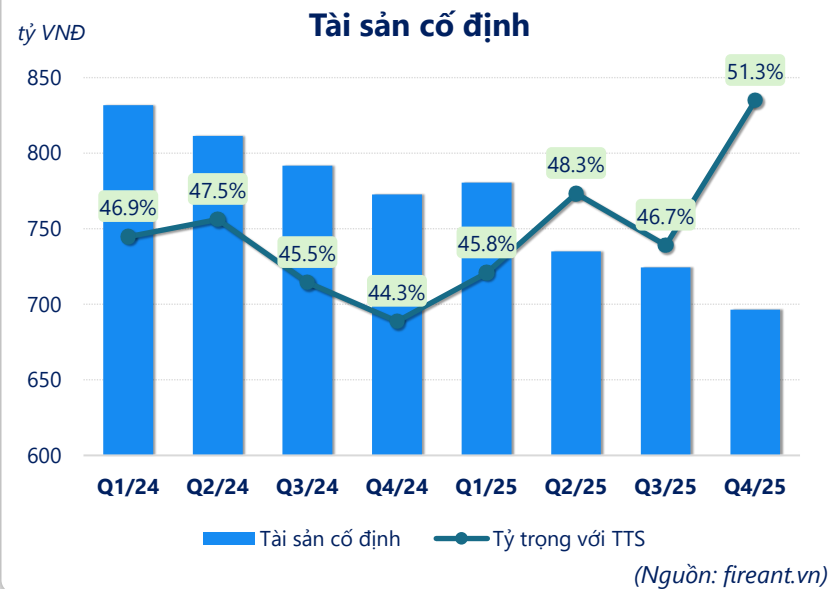
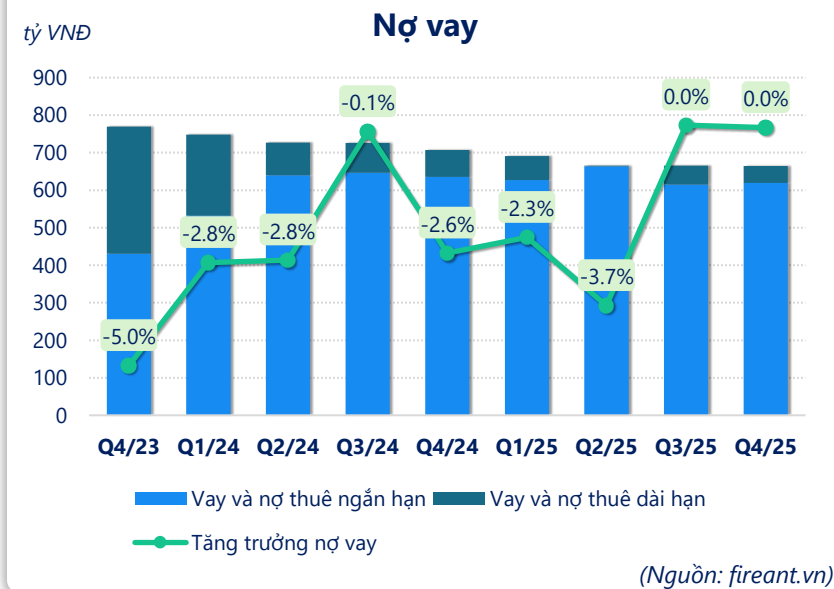
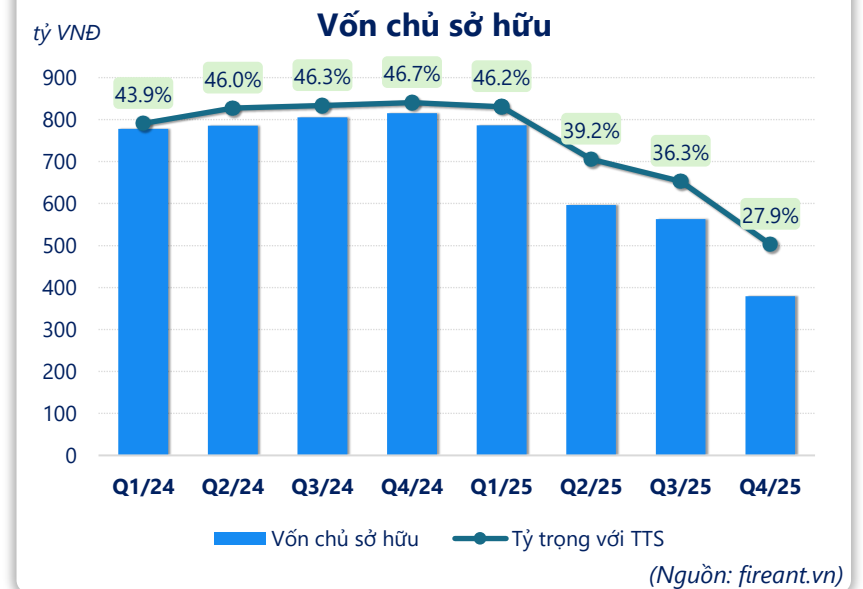
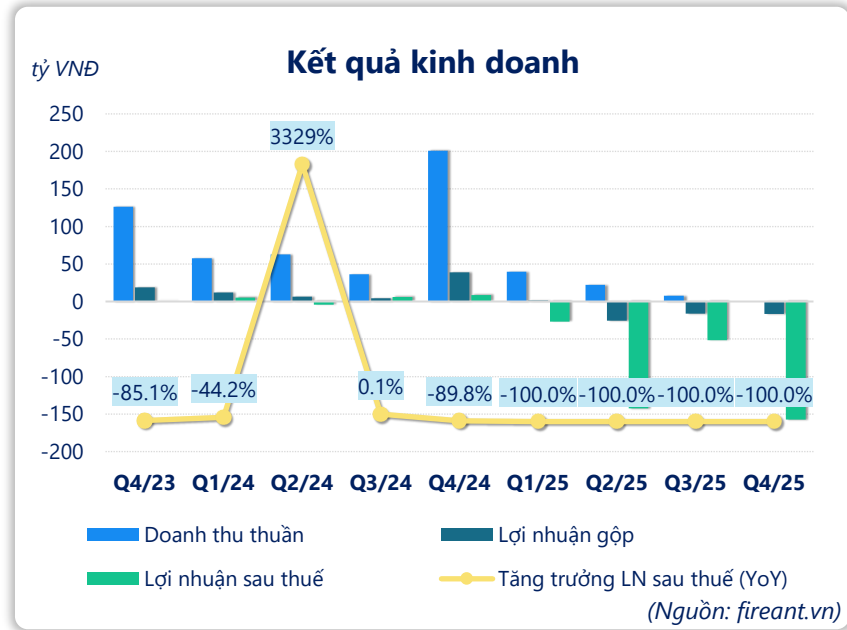
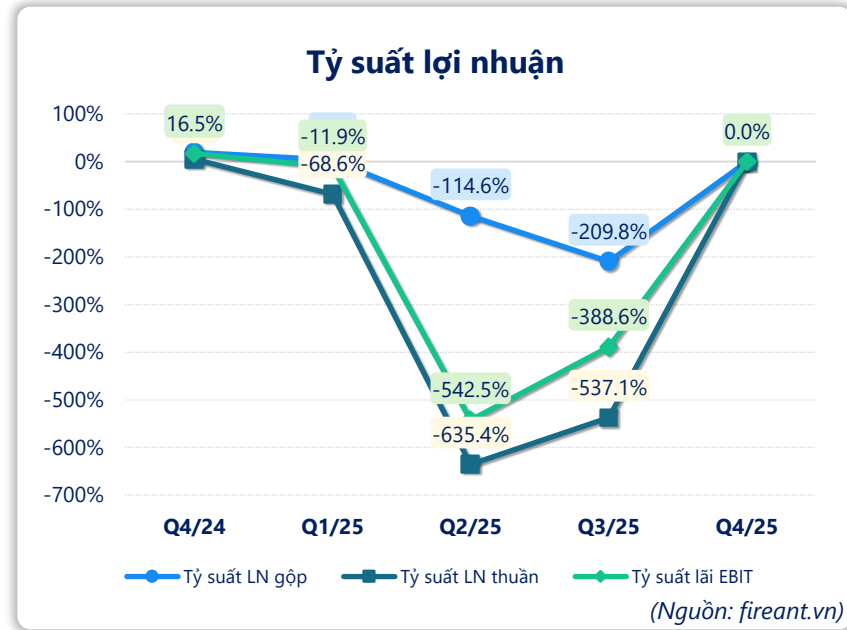
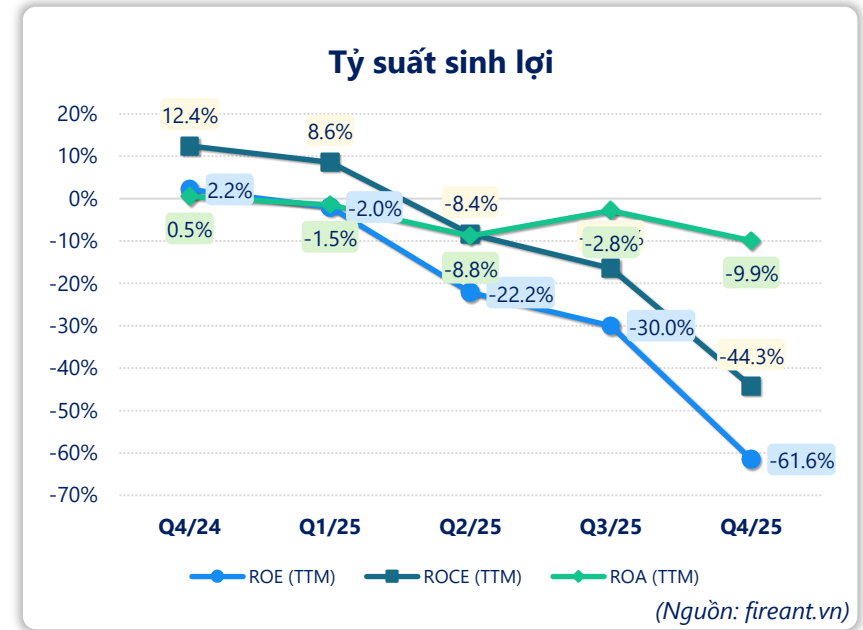
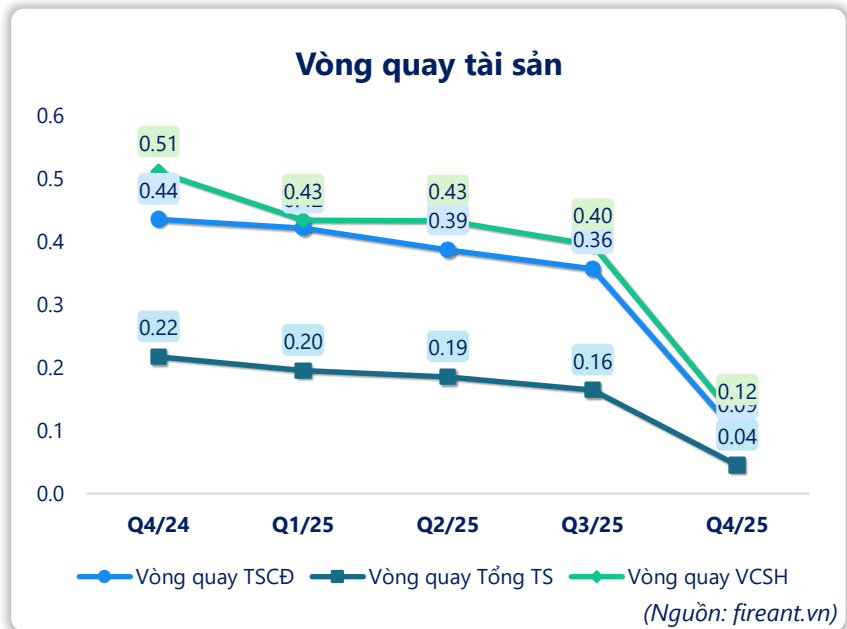
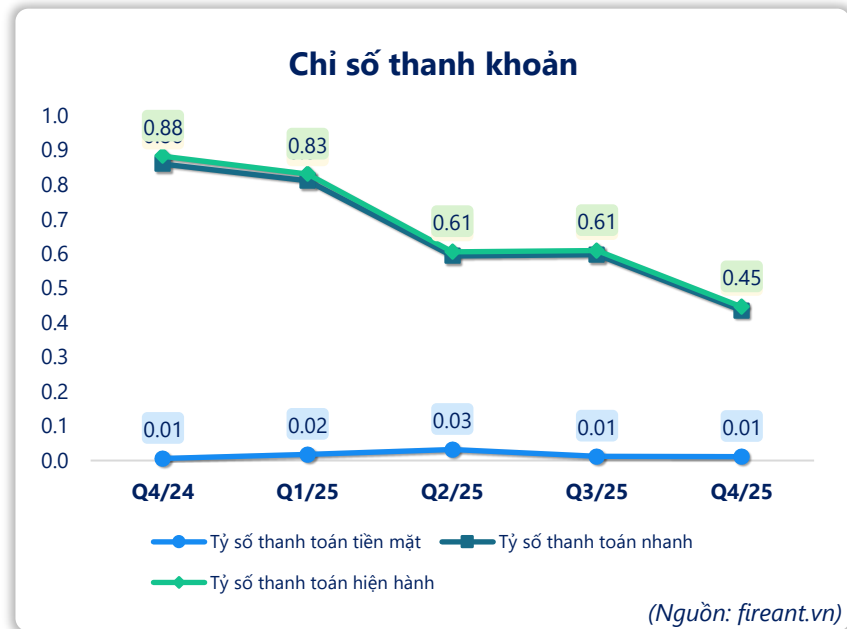
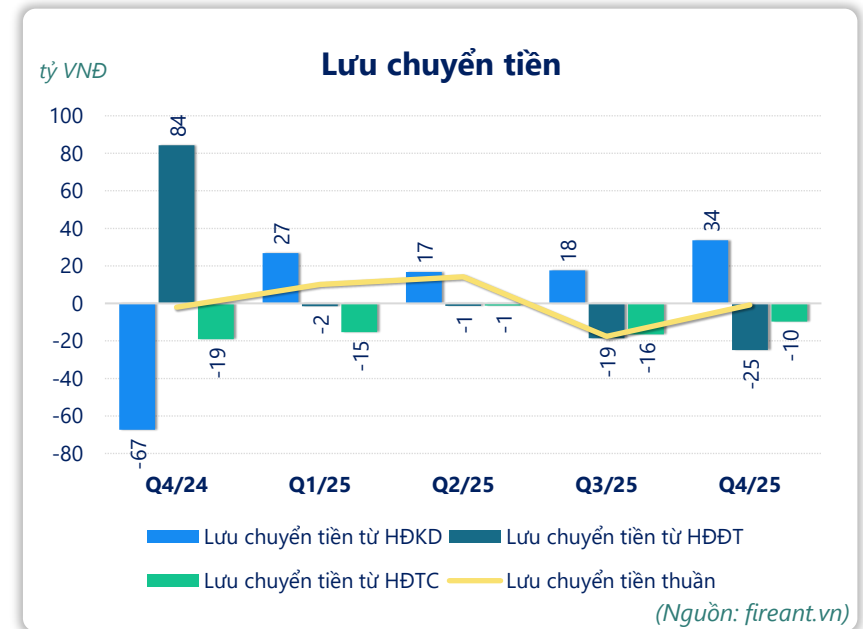


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,100
SL cổ phiếu LH		79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)		371,710
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		88
P/E		-0.2
EPS		-4,605

	YTD	1T	3T	6T
DDG	-62.1%	-26.7%	-54.2%	-59.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,358	1,703	-20.3%
Tài sản ngắn hạn	415	712	-41.7%
Tiền và tương đương tiền	10.9	5.13	112%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	386	681	-43.3%
Hàng tồn kho	9.63	19.6	-50.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.99	6.37	41.1%
Tài sản dài hạn	943	991	-4.9%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	696	790	-11.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	138	91.7	50.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	96.9	96.8	0.1%
Tài sản dài hạn khác	8.95	9.68	-7.6%
Lợi thế thương mại	2.80	3.65	-23.3%
Nợ phải trả	979	921	6.3%
Nợ ngắn hạn	932	915	1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	619	677	-8.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.9	34.4	53.9%
Nợ dài hạn	46.9	5.96	687%
Vay và nợ thuê dài hạn	45.5	3.59	1166%
Nguồn vốn chủ sở hữu	379	783	-51.5%
Vốn chủ sở hữu	379	783	-51.5%
Vốn điều lệ	798	798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	201	39.6	22.4	7.72	0
Giá vốn hàng bán	162	38.3	48.0	23.9	16.6
Lợi nhuận gộp	38.8	1.27	-25.6	-16.2	-16.6
Doanh thu HĐTC	-0.54	0.35	0.00	0.22	0.28
Chi phí TC	25.2	22.7	21.3	20.8	20.4
Chi phí lãi vay	24.7	22.5	20.6	22.3	22.0
LN trong công ty LKLD	-0.05	-0.06	-0.10	-0.01	0.02
Chi phí bán hàng	0	0	0.01	0.41	0.43
Chi phí QLDN	3.16	6.06	95.1	4.27	116
LN thuần từ HĐKD	9.85	-27.2	-142	-41.5	-153
Lợi nhuận khác	-1.48	-0.09	0.23	-10.8	-3.83
LN trước thuế	8.36	-27.2	-142	-52.3	-157
Lợi nhuận sau thuế	8.56	-27.0	-143	-51.4	-157
LNST của CĐ cty mẹ	8.46	-25.8	-142	-46.1	-154

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-67.3	26.8	16.8	17.5	33.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	84.3	-1.51	-1.39	-18.6	-24.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.1	-15.3	-1.23	-16.5	-9.63
Tiền đầu kỳ	7.15	5.13	15.2	29.4	11.8
Lưu chuyển tiền thuần	-2.02	10.1	14.2	-17.6	-0.91
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	5.13	15.2	29.4	11.8	10.9

(Nguồn: fireant.vn)